

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

1. Chủ đầu tư: Bệnh viện quân y 105.
2. Dự toán mua sắm trình duyệt: 130.589.743.850 đồng (*Một trăm ba mươi tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm năm mươi đồng*)
3. Nguồn vốn: Kinh phí tự chủ
4. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III/2025.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện quân y 105. Số 02 Phố Chùa Thông, phường Sơn Tây, Thành phố Hà Nội
6. Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Mua sắm vật tư phụ trợ năm 2025 - 2026
8. Giá gói thầu: 16.046.837.750 đồng (*Mười sáu tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng./.*)
9. Giá trị phần tùy chọn mua thêm: 0
10. Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Hàng hóa mới 100%, có nhãn với đầy đủ thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn mác hàng hóa.
 - Thể hiện rõ ràng tên hàng hóa dự thầu, số lượng, ký mã hiệu hàng hóa, hãng sản xuất, nước sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa mà không được ghi kèm cụm từ tương đương. Có tài liệu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và bảng đối chiếu khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa dự thầu so với yêu cầu của E-HSMT
 - Hàng hóa được đóng gói, vận chuyển theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
 - Hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ thời điểm giao hàng:
 - + Tối thiểu 12 tháng, đối với hàng hóa có hạn dùng ≥ 24 tháng.
 - + Tối thiểu $\frac{1}{2}$ hạn dùng, đối với hàng hóa có hạn sử dụng ≤ 24 tháng.
- Hạn sử dụng tính từ thời điểm giao hàng.

b. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

- Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất

lượng, tính năng kỹ thuật. Nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật, thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo và chứng minh được các tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT.

BẢNG YÊU CẦU THÔNG SỐ KỸ THUẬT

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
1	Bình dẫn lưu áp lực âm		
1.1		Bình dẫn lưu dịch áp lực âm	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: Bình áp lực 3 lò xo dung tích 200 ml (cỡ 10 Fr); 400ml (cỡ 14Fr), dây PVC, kết nối chữ Y, dây dẫn lưu và trocar. - Bình áp lực 3 lò xo được thiết kế chống xẹp tối thiểu. Sản phẩm được đóng gói 2 lớp giúp đảm bảo vô khuẩn khi dùng trong phòng mổ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
2	Bộ thăm khám sinh thiết lồng ngực		
2.1		Bộ dụng cụ bơm bột Talc	Bộ dụng cụ bơm bột Talc, dùng với ống soi màng phổi, dùng tương thích với bình đựng bột 149324 của hãng KARL STORZ Sản xuất năm 2025 trở về sau
2.2		Forceps quang	Forceps quang, dùng sinh thiết màng phổi, tương thích khi kết hợp với ống soi 26072BA của hãng KARL STORZ , hàm mở đơn Sản xuất năm 2025 trở về sau
2.3		Hộp tiết trùng và bảo quản, bằng nhựa, có lỗ, có nắp đậy	Hộp tiết trùng và bảo quản, bằng nhựa, có lỗ, có nắp đậy, dùng cho 2 ống soi cứng có chiều dài làm việc tối đa 32 cm, kích thước ngoài (r x s x c): 446 x 90 x 45 mm Sản xuất năm 2025 trở về sau
2.4		Ống kính nội soi HOPKINS	Ống kính nội soi HOPKINS, dùng để soi màng phổi, hướng nhìn 30 độ, đường kính 4mm, dài 30cm, có thể hấp tiết trùng, có thêm sợi quang tăng cường dẫn truyền ánh sáng Sản xuất năm 2025 trở về sau
2.5		Ống tưới hút	Ống tưới hút, tương thích với ống soi màng phổi 26072BA của hãng KARL STORZ. Sản xuất năm 2025 trở về sau
2.6		Que phẫu tích đơn cực	Que phẫu tích đơn cực, tương thích với ống soi màng phổi 26072BA của hãng KARL STORZ. Sản xuất năm 2025 trở về sau
2.7		Trocar cỡ 6 mm	Trocar cỡ 6 mm, đầu tù, thân nhựa mềm, có rãnh xoắn, chiều dài làm việc 8.5 cm. Bao gồm: Vỏ trocar và Nòng trocar. Sản xuất năm 2025 trở về sau

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
2.8		Vỏ ngoài trocar	Vỏ ngoài trocar bằng nhựa dẻo, có thể hấp tiệt trùng, đóng gói 5 chiếc. Sản xuất năm 2025 trở về sau
3	Bộ thử đường huyết		
3.1		Bộ thử đường huyết	<p>Bộ gồm: máy đo; hộp que thử mạ vàng Kim lấy máu không gây đau; Bút chích máu; Hướng dẫn sử dụng Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lượng máu tối thiểu 0.9- 1,1 μL - Thời gian trả kết quả 5-6 giây - Bộ nhớ ≥ 400 kết quả - Công nghệ GOD/ GDH-FAD - Tỷ lệ hồng cầu 20 - 60% - Hiệu chỉnh No codiing - Đơn vị đo mg/ dL - Pin sử dụng Pin 3V - Chất liệu Nhựa y tế <p>– Máy sẽ báo lỗi khi que thử hỏng hoặc hết hạn sử dụng, lượng máu lấy chưa đủ, khi để máy ở nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
4	Bộ vật tư hút áp lực âm		
4.1		Bộ bình dịch 300 ml có gel cho máy Acti.V.A.C	<p>Bình chứa dịch kín, dung tích 300 ml. Chất liệu nhựa, có gel cô đặc dịch, 01 dây dẫn với một đường hút chính và bốn đường hút nhỏ trên thành dây dẫn. Có đầu nối với máy và miếng xóp hút, có kẹp ống khoá dẫn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
4.2		Bộ bình dịch 500ml có gel cho máy Info V.A.C và V.A.C. Ultra	<p>Bình chứa dịch kín, dung tích 500 ml. Chất liệu nhựa, có gel cô đặc dịch, 01 dây dẫn với một đường hút chính và bốn đường hút nhỏ trên thành dây dẫn. Có đầu nối với máy và miếng xóp hút, có kẹp ống khoá dẫn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
4.3		Bộ dây dẫn có công nghệ tự làm sạch	<ul style="list-style-type: none"> - gồm: 01 dây dẫn ; Có 1 đường hút chính và 4 đường hút nhỏ trong thành dây dẫn; Đầu nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc; Có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn; - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
4.4		Bộ xóp (bọt) hút	Bao gồm: 01 miếng xóp dạng mắt lưới dạng mở

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		dịch bằng áp lực âm màu đen cỡ trung	kích thước $\geq 8 \times 15 \times 3$ cm, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ 400-600 micron. 01 băng dán cố định chống kích ứng da, 01 dây dẫn có công nghệ tự làm sạch, có 1 đường hút chính và tối thiểu 4 đường hút nhỏ, đầu nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, có các rãnh định hướng dịch, có kẹp ống khoá dẫn. 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
4.5		Bộ xóp (bọt) hút dịch bằng áp lực âm Veraflo cỡ lớn	Bao gồm: 02 miếng xóp mắt lưới dạng mở kích thước khoảng (17 x 15 x 1,8cm), chất liệu Polyurethane, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng 400-600 micron; 02 băng dán cố định chống kích ứng da; 01 miếng dán đánh dấu bọt; 02 miếng lau không dính; 01 dây dẫn đôi có công nghệ tự làm sạch, 01 dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường hút nhỏ + 01 dây truyền, đầu miếng dán hút tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, cấu tạo có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn; 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng; - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
4.6		Bộ xóp (bọt) hút dịch bằng áp lực âm Veraflo cỡ nhỏ	Bao gồm: 02 miếng xóp mắt lưới dạng mở kích thước khoảng (11 x 8 x 1,8cm), chất liệu Polyurethane, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng 400-600 micron; 02 băng dán cố định chống kích ứng da; 01 miếng dán đánh dấu bọt; 02 miếng lau không dính; 01 dây dẫn đôi có công nghệ tự làm sạch, 01 dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường hút nhỏ, 01 dây truyền, đầu miếng dán hút tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, cấu tạo có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn; 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
4.7		Bộ xóp hút dịch bằng áp lực âm màu đen cỡ lớn	Bao gồm: 01 miếng xóp dạng mắt lưới dạng mở kích thước $\geq 25 \times 15 \times 3$ cm, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng từ 400-600 micron. 01 băng dán cố định chống kích ứng da. 01 dây dẫn có công nghệ tự làm sạch, có 1 đường hút chính và tối thiểu 4 đường hút nhỏ, đầu nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			chống tắc, có các rãnh định hướng dịch, có kẹp ống khoá dẫn. 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
4.8		Xốp hút dịch bằng áp lực âm màu đen cỡ nhỏ	Bộ xốp (bọt) hút dịch bằng áp lực âm KCI ĐEN cỡ nhỏ. Sản xuất năm 2025 trở về sau
5	Bút dạ kim		
5.1		Bút dạ kim	Sử dụng mực dầu, 2 đầu kim kích thước khác nhau. Sản xuất năm 2025 trở về sau
6	Cáp điện tim cho máy theo dõi bệnh nhân hãng GE Healthcare		
6.1		Cáp điện tim máy cho theo dõi bệnh nhân hãng GE Healthcare	Dây cảm biến dùng đo ECG cho các loại monitor GE. Dây 3 điện cực chuẩn AHA, có lớp bảo vệ cách điện để chống nhiễu. Được thiết kế kiểu đầu kết nối, vật liệu chế tạo cáp chất lượng cao. Đầu kết nối nhỏ gọn dễ dàng kết nối hoạt động linh hoạt. Cảm biến đo ECG 3 lead chuẩn AHA sử dụng nhiều lần được sử dụng cho người lớn và trẻ em. Chiều dài dây cảm biến là 74cm. Tương thích với máy theo dõi bệnh nhân B450/B125 hãng GE. Sản xuất năm 2025 trở về sau
7	Chổi rửa dụng cụ nội soi		
7.1		Bàn chải vệ sinh dụng cụ	Dùng để vệ sinh, cọ rửa các dụng cụ phẫu thuật nội soi, gói 5 chiếc
7.2		Chổi rửa dụng cụ nội soi cỡ 11mm	- Cỡ 11mm - Sản xuất năm 2025 trở về sau
7.3		Chổi rửa dụng cụ nội soi cỡ 16 mm	- Cỡ 16mm - Sản xuất năm 2025 trở về sau
7.4		Chổi rửa dụng cụ nội soi cỡ 2,5 mm	- Cỡ 2,5mm - Sản xuất năm 2025 trở về sau
7.5		Chổi rửa dụng cụ nội soi cỡ 7mm	- Cỡ 7mm - Sản xuất năm 2025 trở về sau
8	Cốc đựng mẫu xét nghiệm		
8.1		Cốc đựng mẫu xét nghiệm	Chất liệu ống làm bằng nhựa PP, nút bằng nhựa LDPE. - Sản xuất năm 2025 trở về sau
9	Đầu Col dùng trong xét		

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
	nghiệm		
9.1		Đầu col vàng	Chất liệu nhựa dùng trong y tế, chất lượng cao không có tạp chất. Có khía. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
9.2		Đầu col xanh	Chất liệu nhựa dùng trong y tế, chất lượng cao không có tạp chất. Màu xanh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
9.3		Đầu tip hút mẫu có phin lọc loại 10 µl	Dùng trong pipet hút mẫu. Dung tích 10 µl. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
9.4		Đầu tip hút mẫu có phin lọc loại 1000 µl	Chất liệu polypropylen y tế và các bộ lọc được làm bằng UHMWPE ky nước cao. Có bộ lọc. Dung tích 1000 µl. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
9.5		Đầu tip hút mẫu có phin lọc loại 200 µl	Dùng trong pipet hút mẫu. Dung tích 200 µl. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
10	Đầu đục tạo hình trong phẫu thuật sọ não dùng cho người lớn		
10.1		Đầu đục tạo hình trong phẫu thuật sọ não dùng cho người lớn	đầu khoan sọ não tạo hình đục tự dừng, Đường kính 9- 12mm. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
11	Đầu in nhiệt dùng cho máy in phim AGFA		
11.1		Đầu in nhiệt dùng cho máy in phim AGFA	Đầu in nhiệt dùng cho máy in phim khô AGFA Drystar -5302 ; Năm sản xuất: 2024 trở về sau; Mới 100% nguyên đai nguyên kiện; tương thích cho máy in AGFA Drystar -5302
12	Dầu soi kính		
12.1		Dầu soi kính	Dùng soi kính hiển vi (lọ 1000ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
13	Dây cao tần		
13.1		Dây cao tần đơn cực	Dây cao tần đơn cực, chân cắm cỡ 4 mm, chiều dài 3 m. Sản xuất năm 2025 trở về sau
13.2		Dây cao tần lưỡng cực, hai chân cách nhau 22 mm	Dây cao tần lưỡng cực, chiều dài 3 m. Sản xuất năm 2025 trở về sau
14	Dây cáp đo		

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
	huyết áp cho máy theo dõi bệnh nhân hãng GE Healthcare		
14.1		Dây cáp đo huyết áp cho máy theo dõi bệnh nhân hãng GE Healthcare	Kết nối đa dạng. Là dây khí DINACLICK, chiều dài 12 ft (3,6M) w/ Đầu nối hình chữ nhật với Đầu nối DINACLICK 2T dành cho người lớn. Kết nối với bao đo huyết áp và máy theo dõi bệnh nhân. Tương thích với máy theo dõi bệnh nhân B450/B125 hãng GE. Sản xuất năm 2025 trở về sau
15	Dây dẫn nước nội soi phẫu thuật		
15.1		Dây dẫn nước nội soi phẫu thuật	- Đường kính 8/6 mm. Bộ Gồm 01 dây hút dịch + 01 dây dẫn nước kết nối với chai dịch. Chiều dài 3m. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
16	Dây dẫn sáng nội soi phẫu thuật		
16.1		Dây dẫn sáng nội soi phẫu thuật	- Đường kính 4.8mm – sử dụng với các ống soi có đường kính từ 6,5mm – 12.0 mm - Chiều dài 250 cm - Chịu nhiệt tốt, có chốt khóa an toàn và có tính năng tăng cường khả năng dẫn sáng - Sản xuất năm 2025 trở về sau
16.2		Dây dẫn sáng nội soi phẫu thuật đường kính từ 3.0mm – 6.5mm	- Đường kính 3.5mm – sử dụng với các ống soi có đường kính từ 3.0mm – 6.5mm - Chiều dài 300 cm - Sản xuất năm 2025 trở về sau
17	Dây tưới hút dịch		
17.1		Dây tưới hút dịch	Bộ dây tưới hút, bằng silicone, tiệt trùng được, dùng với hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
18	Điện cực cầm máu		
18.1		Điện cực cầm máu đơn cực hình cầu	Điện cực cầm máu hình cầu, đường kính 3mm, 24/26Fr, gói 6 chiếc. Sản xuất năm 2025 trở về sau
18.2		Điện cực cầm máu và phẫu tích hình chữ L	Điện cực phẫu tích và cầm máu, đầu hình chữ L, vỏ bọc cách điện, có chân cắm đốt điện đơn cực. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
18.3		Điện cực cầm máu/cắt đốt cực	Điện cực cầm máu hình mũi nhọn, dùng với vỏ đặt ống soi cắt cỡ 24/26 Fr. Sản xuất năm 2025 trở về

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		hình mũi nhọn	sau
18.4		Điện cực cầm máu/cắt/đốt hình con lăn	Điện cực cầm máu hình con lăn, đường kính 5 mm, 24/26Fr. Sản xuất năm 2025 trở về sau
18.5		Điện cực cắt đơn cực hình vòng	Điện cực cắt đốt hình vòng, 24/26Fr. Sản xuất năm 2025 trở về sau
19	Điện cực cho máy điện cơ, điện não		
19.1		Bộ điện cực điện não vi tính	<ul style="list-style-type: none"> - Tương thích với máy điện não vi tính NEUROFAX EEG-1200K - Gồm 20 chiếc Kiểu dáng: Điện cực cầu sử dụng cùng với điện cực kẹp cá sấu và mũ lưới cố định. - Chất liệu bạc hoặc bạc Clorua, không gỉ sét, có thể ổn định tín hiệu và chống nhiễu tốt. Có đệm bông. Có rãnh để cố định bằng nón lưới. - Định lượng: 20 chiếc/ bộ - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
19.2		Điện cực điện cơ vi tính dùng 1 lần	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng trên máy đo điện cơ Bộ gồm 3 loại điện cực với 3 màu sắc tiêu chuẩn: Xanh Lá – Đỏ – Đen. - Điện cực hình vuông kích thước 22mmx22mm, có cáp dây kết nối sẵn, dài 60cm, giắc cắm trên cáp chuẩn DIN 1,5mm - Sản xuất năm 2025 trở về sau
19.3		Điện cực lưu huyết não	<ul style="list-style-type: none"> Tương thích với máy lưu huyết não vi tính VasoScreen của hãng Medis - Đức - Một bộ gồm 6 dây cáp kèm đầu kẹp điện cực, 6 điện cực đi kèm, dây đai quần giữ cố định điện cực - Điện cực hình tròn đường kính 2cm, vật liệu thép không gỉ - Điện cực có cáp dây nối sẵn dài ≥ 60cm, giắc cắm trên cáp chuẩn DIN 1,5mm - Dây cáp có sẵn điện cực kẹp kết nối có màu sắc riêng biệt chất liệu nhựa TPU, đầu cắm tương thích với thiết bị - Đạt chứng chỉ ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
19.4		Bộ điện cực kẹp tai	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ bao gồm 1 cặp 2 điện cực kẹp tai - Chất liệu: Bạc hoặc bạc Clorua, không gỉ sét, có thể ổn định tín hiệu và chống nhiễu tốt. - Dùng tương thích với máy điện não vi tính NEUROFAX EEG-1200K hãng Nihon Kohden - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, sản xuất năm 2025 trở về sau

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
19.5		Bộ dây cáp dùng để kết nối điện cực	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ gồm 12 dây với các màu sắc khác nhau dài 1,5m, bao gồm đầu giắc kết nối với nút nhựa, đường kính giắc kết nối cỡ 1.5mm, đầu cố định điện cực kiểu kẹp cá sấu. - Chất liệu dây nhựa TPU nhẵn, lõi có bọc kim tuyến - Kẹp cá sấu làm bằng thép không rỉ, dẫn điện tốt, thu tín hiệu điện não rõ ràng và tuổi thọ cao. - Dùng tương thích với máy điện não vi tính NEUROFAX EEG-1200K hãng Nihon Kohden - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, sản xuất năm 2025 trở về sau
19.6		Mũ cố định điện cực có quai đeo cằm	<ul style="list-style-type: none"> - Có 3 cỡ size S, M, L sử dụng tương ứng cho chu vi đầu 38cm-46cm, 46cm-54cm, và 54cm-62cm, tùy chọn phù hợp với cả đối tượng trẻ em tới người lớn - Chất liệu silicon an toàn trong y tế - Phù hợp khi cố định với loại điện cực cầu. - Dùng tương thích với máy điện não vi tính NEUROFAX EEG-1200K hãng Nihon Kohden - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, sản xuất năm 2025 trở về sau
20	Điện cực giấy dùng 1 lần		
20.1		Điện cực giấy dùng 1 lần	<p>Kích thước: hình vuông (20 x20) cm gấp 4, kết nối trực tiếp với tấm điện cực máy</p> <p>Chất liệu bao gồm sợi cacbon và sợi conton</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
21	Điện cực, dây nối dùng cho dao mổ điện		
21.1		Dây nối kẹp lưỡng cực	<p>Dây nối kẹp lưỡng cực sử dụng một lần, chiều dài dây 3.6m \pm 5%</p> <p>. Sản xuất năm 2025 trở về sau</p>
21.2		Dây nối tấm điện cực trung tính sử dụng nhiều lần Valleylab	<p>Dây nối tấm điện cực trung tính sử dụng nhiều lần, dây dài 4,6m, có cổng kết nối tính năng sử dụng tính năng REM</p> <p>Sản xuất năm 2025 trở về sau</p>
21.3		Điện cực trung tính loại kẹp	<ul style="list-style-type: none"> - Tấm điện cực trung tính sử dụng một lần, chất liệu PolyHesive tăng độ bám dính cho điện cực - Chiều dài dây 2,7m \pm 5%, diện tích tiếp xúc 140 cm² \pm 5% - Đạt tiêu chuẩn FDA, CE, ISO13485:2016 - Sản xuất năm 2025 trở về sau
21.4		Kẹp lưỡng cực sử	Kẹp lưỡng cực sử dụng nhiều lần dạng lưỡi lê,

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		dụng nhiều lần	chiều dài 19,1cm \pm 5%, đường kích đầu kích hoạt 2,0mm \pm 5% Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
21.5		Tấm điện cực trung tính REM	Tấm điện cực trung tính sử dụng một lần, không dây (sử dụng kèm với dây nối sử dụng nhiều lần) Sử dụng cho dao Forcetriad Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Sản xuất năm 2025 trở về sau
22	Dụng cụ cầm máu trong phẫu thuật nội soi		
22.1		Kẹp cầm máu dùng một lần xoay được	Clip cầm máu, cán lắp sẵn, xoay được, cầm máu niêm mạc, đánh dấu. Đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm, độ mở 7.5mm. Chiều dài làm việc 2300mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23	Dụng cụ phẫu thuật mắt		
23.1		Đáy hộp tiết trùng cỡ nhỏ	Không đục lỗ, kích thước 285x280x100mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.2		Kẹp LIVERNOIS thẳng	Thẳng, dài 10cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.3		Kẹp chắp AYER	Dài 9cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.4		Kẹp chắp DESMARRES	Dài 9cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.5		Kẹp khăn BACKHAUS	Dài 11cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.6		Kẹp kim CASTROVIEJO	Cong, ngàm tròn, tay cầm rộng, có khoá cài, dài 14.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.7		Kẹp kim HALSEY	Cán vàng, ngàm tròn, dài 13.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
23.8		Kẹp kim vi phẫu BARRAQUER	Cong, dài 14.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.9		Kẹp kim vi phẫu BARRAQUER- TROUTMAN	Thẳng, dài 10cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.10		Kẹp mạch máu HARTMANN	Cong dài 10cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.11		Kẹp mô MICRO- ADSON	1X2 răng, dài 12cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.12		Dụng cụ chi tách nhân BUNNKATU	Dài 120mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.13		Kẹp phẫu tích BISHOP- HARMON	Dài 8,5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.14		Kẹp phẫu tích DYSON- COLIBRI	Thẳng, 1X2T, dài 7.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.15		Kẹp phẫu tích Jaffe	Dài 10cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.16		Kẹp phẫu tích MICRO-ADSON	Dài 12cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.17		Kẹp phẫu tích số 4	Dài 11cm, No.4. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.18		Kẹp phẫu tích số 5	Dài 11cm, No.5. Dụng cụ được làm bằng thép

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.19		Khay lưới đựng dụng cụ	Kích thước 245x245x70mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.20		Móc gân Stevens	Dài 120mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.21		Nắp hộp tiết trùng cỡ nhỏ	Có đục lỗ, kích thước 285x280mm, màu bạc. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.22		Nhíp phẫu tích STEVENS hơi cong	Hơi cong, dài 10.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.23		Kéo CASTROVIEJO dài 10cm	Thẳng, nhọn/nhọn, dài 9.0cm, 10.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.24		Nhíp phẫu tích STEVENS thẳng	Thẳng, dài 10.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.25		Nhíp phẫu tích STEVENS thẳng 1X2T	Thẳng, 1X2T, dài 10.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận CE. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.26		Tấm silicon chống xước và cố định dụng cụ	Kích thước 300x300mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.27		Vành mi BARRAQUER rộng 10mm	Dài 4cm, rộng 10mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.28		Vành mi BARRAQUER rộng 15mm	Dài 4cm, rộng 15mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.29		Kéo mổ mắt VANNAS	Cong, dài 8.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			sau
23.30		Kéo mổ mắt WESTCOTT	Mũi nhọn hoặc tù, dài 11cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.31		Kéo phẫu thuật IRIS cong	Cong, nhọn/nhọn, dài 10.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.32		Kéo phẫu thuật IRIS thẳng	Thẳng, nhọn/nhọn, dài 10.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
23.33		Kéo phẫu thuật MOD.BONN	Thẳng, dài 8.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương
23.34		Kẹp LIVERNOIS gập góc	Gập góc, dài 10cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24	Dụng cụ trong nội soi phẫu thuật		
24.1		Lõi rọ lấy sỏi nội soi phẫu thuật	Rọ lấy sỏi, tính năng kỹ thuật tương đương với lõi rọ 27023VR của hãng Karl Storz. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.2		Nút cao su đầu trocar 6 mm	Nắp cao su dùng cho trocars cỡ 6 mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.3		Ống giảm trocar 13	Ống giảm, cho dụng cụ cỡ 5 mm khi dùng với trocar cỡ 13 mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.4		Ống thu giảm khẩu kính, loại 11/5mm	Ống giảm, cho dụng cụ cỡ 5 mm khi dùng với trocar cỡ 11 mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.5		Ống tưới hút phẫu thuật nội soi cỡ 5 mm	Ống tưới hút, bề mặt chống lóa, có lỗ bên hông, van khóa điều khiển bằng một tay, cỡ 5 mm, dài 36 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.6		Quạt nâng gan	Quạt nâng gan, tháo rời được, xòe ra được, cỡ 5 mm, chiều dài 36cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.7		Vỏ đặt tay cắt nội soi, cỡ 24 Fr	Gồm 2 phần: Vỏ đặt ống soi cắt, Nòng đặt - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.8		Vỏ đặt tay cắt nội	Vỏ đặt tay cắt nội soi loại xoay được, cỡ 26 Fr, có 2

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		soi, cỡ 24 Fr	đường dịch vào và ra để tưới rửa liên tục. Gồm 2 phần: Vỏ ngoài và Vỏ trong - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.9		Vỏ trong cho vỏ đặt tay cắt	Vỏ trong, xoay được, có bọc cách điện bằng ceramic, sử dụng với vỏ ngoài ống soi cắt mã 27050SC, 26 Fr. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.10		Vỏ trong ống soi cắt tiết niệu	Vỏ trong , xoay được, đầu bằng chất cách điện, sử dụng với vỏ đặt ống soi, cỡ 26Fr . Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.11		Lưỡi kéo cong Clickline, hàm hoạt động kép	Lưỡi kéo cong Clickline, hàm hoạt động kép, có răng cưa, hàm dài 20 mm. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.12		Lưỡi kéo hình móc Clickline, hàm hoạt động đơn	Lưỡi kéo dạng móc, phần hàm dụng cụ dài 10 mm, hoạt động đơn. Cỡ khoảng 5 mm, chiều dài 36 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.13		Lưỡi kéo thẳng Clickline	Lưỡi kéo thẳng, phần hàm dụng cụ dài 15 mm, hoạt động kép. Cỡ 5 mm, chiều dài 36cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.14		Nong cho vỏ đặt tay cắt nội soi	Đầu bịt tiêu chuẩn, sử dụng với vỏ đặt ống soi cắt cỡ 24/26 Fr. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.15		Nòng trocar, đầu hình kim tự tháp, cỡ 6 mm	Nòng trocar đầu hình kim tự tháp, dùng với vỏ cỡ 6 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.16		Nòng trocar, đầu sắc, cỡ 11 mm	Nòng trocar đầu sắc, dùng với vỏ cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.17		Nòng trocar, đầu tù	Nòng trocar đầu tù, dùng với vỏ cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.18		Nút cao su đầu trocar 11 mm	Nắp cao su dùng cho trocars cỡ 11 mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.19		Cáp cao tần lưỡng cực	Chân cắm đôi cỡ 4 mm, chiều dài 3 m. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.20		Dầu tra các khớp cử động	Dầu tra dụng cụ, 50 ml, không chứa silicone - Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.21		Dây bơm khí CO2 dùng nhiều lần cho Endoflator 40/50	Dây bơm khí, tiết trùng được, đường kính bên trong 9 mm, dài 250 cm, sử dụng với máy ENDOFLATOR® 40 UI400 hoặc ENDOFLATOR® 50 UI500. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.22		Kìm kẹp kim RASSWEILER	Kìm kẹp kim RASSWEILER, hàm cong trái, mảnh, tay cầm thẳng trục có lỗ xoắn ngón và khóa hãm. Cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm. Sản xuất năm 2025 trở về

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			sau
24.23		Pank gấp sỏi niệu quản	Forceps gấp sỏi cỡ 4 Fr, thân cứng, chiều dài 60 cm, hàm hoạt động kép, sử dụng với ống soi niệu quản bề thận. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.24		Pank gấp sonde JJ thân mềm	Forceps gấp dị vật, thân mềm, hàm hoạt động kép, cỡ 7Fr., chiều dài 40cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.25		Thanh thắt nút chỉ	Thanh đẩy chỉ CICE, dùng trong kỹ thuật thắt nút chỉ ngoài cơ thể, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
24.26		Xilanh hút mảnh cắt REINER- ALEXANDER, 150cc	Xi lanh hút mảnh cắt, dung tích 150 ml, có đi kèm với một khớp nối với vỏ đặt ống soi. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25	Dụng cụ vi phẫu mạch máu		
25.1		Banh ADSON	4x4 răng tù, dài 20cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.2		Clamp bulldog DE BAKEY dài 70mm	Ngàm khôn chấn thương, cong, dài 70mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.3		Clamp bulldog DE BAKEY dài 75mm	Ngàm khôn chấn thương, thẳng, dài 75mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.4		Clamp bulldog GLOVER thẳng	Thẳng, ngàm không chấn thương, dài 60mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.5		Clamp bulldog GLOVER, cong	Cong, ngàm không chấn thương, dài 65mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.6		Clip mạch máu Biemer 20-25gr	Kích thước 9x5mm, lực đóng 20-25gr. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.7		Clip mạch máu	Kích thước 9x5mm, lực đóng 30-40gr. Dụng cụ

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		Biemer lực đóng 30-40gr	được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.8		Đáy hộp tiệt trùng cỡ lớn	Không đục lỗ, kích thước 465x280x135mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.9		Kéo phẫu thuật BROPHY	Thẳng, dài 14.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.10		Kéo phẫu thuật mạch máu DE BAKEY	Cong 45°, dài 19.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.11		Kéo phẫu thuật POTTS-SMITH	Cong 60°, dài 19.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.12		Banh DEARVER 25mm	Lưỡi rộng 25mm, dài 33cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.13		Kéo phẫu tích cán vàng MAYO cong	Cong, tù/tù, dài 17.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.14		Kéo phẫu tích cán vàng MAYO thẳng	Thẳng, tù/tù, dài 17.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.15		Kéo phẫu tích METZENBAUM cong, tù dài 18cm	Cán vàng, cong, tù/tù, dài 18.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.16		Kéo phẫu tích METZENBAUM cong, tù dài 20cm	Cán vàng, cong, tù/tù, dài 20.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số (data matrix), chứng nhận CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.17		Kéo phẫu tích	Cán vàng, thẳng, tù/tù, dài 14.5cm. Dụng cụ được

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		METZENBAUM thẳng	làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.18		Kéo phẫu tích REYNOLDS	Cong, nhọn, dài 15.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.19		Kẹp Bulldog cong	Cong 50mm/8mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số (data matrix), chứng nhận ISO13485, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.20		Kẹp Bulldog thẳng	Thẳng 50mm/8mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.21		Kẹp FOERSTER- BALLENGER	Cong, ngàm răng cưa, dài 18cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.22		Kẹp giữ clip mạch máu Biemer	Dài 145mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số (data matrix), chứng nhận ISO13485, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.23		Banh DEARVER 38mm	Lưỡi rộng 38mm, dài 30.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.24		Kẹp HEISS	Hơi cong, dài 20cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.25		Kẹp khăn BACKHAUS	Dài 11cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.26		Kẹp kim BABY- CRILE-WOOD	Cán vàng, dài 15.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			năm 2025 trở về sau
25.27		Kẹp kim CRILE- WOOD	Cán vàng, dài 18cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.28		Kẹp mạch máu COLLER	Cong dài 16cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.29		Kẹp mạch máu CRILE-RANKIN	Thẳng dài 16cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.30		Kẹp mạch máu DE BAKEY dài 16cm	Cán vàng, 1.5mm, dài 16cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.31		Kẹp mạch máu DE BAKEY dài 20cm	Cán vàng, 1.5mm, dài 20cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.32		Kẹp mạch máu HALSTED- MOSQUITO cong	Thẳng dài 12.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.33		Kẹp mạch máu HALSTED- MOSQUITO thẳng	Cong dài 12.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.34		Banh SENN- MILLER	Răng nhọn, dài 16cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.35		Kẹp mạch máu Mixer	Cong dài 19cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.36		Kẹp mạch máu OCHSNER-	Thẳng dài 16cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		KOCHER	sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.37		Kẹp mang kim MAYO-HEGAR	Cán vàng, dài 20.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.38		Kẹp mô ADSON	1X2 răng, dài 12cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.39		Kẹp mô tiêu chuẩn	Thẳng, 1X2 răng, dài 14.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.40		Kẹp phẫu tích ADSON	Dài 12cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương
25.41		Kẹp phẫu tích GEMINI	Cong dài 22cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.42		Kẹp phẫu tích tiêu chuẩn	Thẳng, dài 14.5cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.43		Kẹp răng chuột ALLIS	5X6 răng, dài 15cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.44		Kẹp ruột BABCOCK	Dài 16cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.45		Banh WEITLANER	3X4 răng nhọn, dài 13cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.46		Khay lưới	Kích thước 405x245x60mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
25.47		Khay quả đậu	Dài 200 mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.48		Móc Cushing	Loại mảnh, dài 19cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương
25.49		Móc dài 16CM	Dài 16cm, răng chia nhọn, loại 2 răng. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.50		Móc GILLIES	Dài 18cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.51		Móc ROLLET	Dài 13cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.52		Nắp hộp tiết trùng cỡ lớn	Có đục lỗ, màu xanh, kích thước 465x280mm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.53		Ống hút FRAZIER	chiều dài làm việc 90mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.54		Ống hút POOLE	Đường kính 8mm, dài 220mm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.55		Que thăm	Kích thước 2mm, dài 13.0cm. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.56		Bộ banh PARKER	Loại nhỏ, Fig 1+2. Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.57		Cán dao số 3	Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
25.58		Cán dao số 3L	Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
25.59		Cán dao số 7	Dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số, chứng nhận ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
26	Dung dịch bôi trơn và làm sạch dụng cụ y tế		
26.1		Dung dịch bôi trơn dụng cụ y tế Pose - Jel	Gel bôi trơn vô trùng gốc nước , không nhờn dễ rửa Thành phần Propylene Glycol , EDTA 2 NA , Carbopol 940 , Glycerine , Unigerm G-2 , Sodium Carboxymethylcellulose , Sodium Hydroxide BP , Distilled water qs. Tuýp 150 gam . Sản xuất năm 2025 trở về sau
26.2		Dung dịch tan gỉ Pose SR#2	Thành phần: Triethanolamine 8%, Ethoxylated Alcohol 5.0, chai 750 ml, 2 chai/ bộ, Chai dạng xịt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
26.3		Dung dịch tan gỉ Pose SR#1	Thành phần: Glycolic Acid 8%,- Ethoxylated Alcohol 5.0, chai 750 ml, 2 chai/ bộ, Chai dạng xịt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
26.4		Khăn lau sát khuẩn dụng cụ y tế POSEQUAT PAD	Thành phần : Quaternary compound (Dual quats) 0,21%, kích thước 17 x 22 cm. Tác dụng: dùng để khử khuẩn bề mặt thiết bị y tế. ISO13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
27	Forcep, hàm forceps các loại		
27.1		Forcep lấy bệnh phẩm	Kẹp CLICKLINE kiểu móng vuốt, xoay được, kích thước 10 mm, dài 36 cm, 2 x 3 răng, hàm tác động đơn, bao gồm: 33132 Tay cầm bằng kim loại, có khóa 33500 Vỏ ngoài, cách điện 33510FS Hàm forceps. Sản xuất năm 2025 trở về sau
27.2		Forceps gấp mảnh sỏi	Forceps gấp sỏi cỡ 5 Fr, thân mềm, chiều dài 60 cm, hàm hoạt động kép, sử dụng với ống soi niệu quản bề thận. Sản xuất năm 2025 trở về sau
27.3		Forceps lưỡng cực TAKE-APART Manhes	Kẹp đốt cầm máu lưỡng cực TAKE APART, tháo rời được, độ rộng hàm 3 mm, dài 33 cm, gồm có: Tay cầm, Vỏ ngoài, Vỏ trong, Hàm kẹp. Sản xuất

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			năm 2025 trở về sau
27.4		Forceps sinh thiết CLICKLINE MANHES	Forceps sinh thiết, cỡ 5 mm, dài 43 cm, xoay được, tháo rời được, bọc cách điện, có đầu nối đơn cực. Gồm 3 phần tay cầm, Hàm forceps, Vỏ ngoài. Sản xuất năm 2025 trở về sau
27.5		Hàm forceps kẹp Clickline	Hàm forceps kẹp Clickline, nhiều răng, hàm rộng 4.8 mm, dài 14 mm, hoạt động đơn, dùng để kẹp chính xác và không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
27.6		Hàm forceps kẹp Clickline, có mở lỗ	Hàm forceps kẹp Clickline, có răng cưa không gây tổn thương, hàm dài 26 mm, mở cửa sổ, hoạt động đơn. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
27.7		Hàm forceps kẹp lưỡng cực TAKE- APART	Hàm kẹp lưỡng cực, hàm bản rộng 3 mm, cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
27.8		Hàm forceps kẹp và phẫu tích Clickline KELLY	Hàm forceps kẹp và phẫu tích Clickline KELLY, hàm dài 22 mm, hoạt động kép. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
27.9		Hàm forceps kẹp và phẫu tích REDDICK- OLSEN	Ruột kẹp loại CLICK'line, dùng gấp và bóc tách, hàm hoạt động đôi, cỡ 5 mm, dài 36 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
28	Giấy gói dụng cụ y tế		
28.1		Giấy gói dụng cụ y tế	Màu sắc: Xanh dương hoặc Xanh lá Bao gồm các kích cỡ: R 400mm, D 400mm, 500 tờ/túi. Định lượng 60 g/m2 * Tương thích với các phương pháp khử trùng: – Khử trùng bằng hơi nước – Đóng gói để tiệt trùng thiết bị y tế tái sử dụng – Khử trùng bằng EO – Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29	Giấy in máy y tế		
29.1		Giấy in ảnh màu kích thước: 210mm x 297mm	Sử dụng in ảnh cho nội tiêu hóa, siêu âm, tai mũi họng, loãng xương. phẳng mịn, trắng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.2		Giấy in Monitor sản khoa ToiTu	Giấy in nhiệt, kích cỡ 152mmx150mmx200 sheets. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.3		Giấy in nhiệt K80	Giấy in nhiệt K80mm đường kính 45mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.4		Giấy in nhiệt máy	Giấy in nhiệt dùng cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		hấp tiết trùng nhiệt độ cao	cao, đường kính 45mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.5		Giấy in nhiệt máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Tương thích máy tiết trùng nhiệt độ thấp P110-1V. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.6		Giấy in phun kích thước 21cm x 29.7cm	Nguyên liệu cao cấp, được phủ 1 lớp bột để in không bay màu, khô nhanh, không nhòe mực, chống ẩm chống nước tốt, giữ bền màu. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.7		Giấy in ảnh siêu âm chất lượng HD	Kích thước 110MM x 20 M, khoảng 240 tấm ảnh. Cho hình ảnh chất lượng cao. Tương thích máy in ảnh sony, đặc tính tương đương với giấy in AC110HD. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.8		Giấy in tương thích máy in ảnh siêu âm Sony USP-110S	Giấy in siêu âm nhiệt (Loại I: Chất lượng cao). Kích cỡ: 110mm x 20m. Số lượng bản in: 215 bản. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.9		Giấy vi tính kích thước 21cm x 14.8cm	Kích thước 21cm x 14.8cm. Mặt giấy mịn, không cặn bẩn. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.10		Giấy vi tính kích thước 21cm x 29.7cm	Kích thước 21cm x 29.7cm. Mặt giấy mịn, không cặn bẩn. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.11		Giấy in kết quả cho máy theo dõi bệnh nhân các loại	Tương thích với các máy theo dõi bệnh nhân. KT 50mmx100mmx300sh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.12		Giấy in kết quả siêu âm đen trắng	Giấy in siêu âm nhiệt chất lượng cao. Kích cỡ: 110mm x 20m Số lượng bản in: 215 bản - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.13		Giấy in máy điện tim 6 bút Fukuda	Dùng cho máy điện tim FuKuda FX7102/7202 KT 110mmx140mmx200sh Max - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.14		Giấy in máy nghe tim thai	Giấy in nhiệt cho máy Monitor sản khoa Nihon Kohden KT: 150mm x 90mm x 300 tờ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.15		Giấy in máy theo dõi bệnh nhân hãng GE Healthcare	Giấy in nhiệt máy theo dõi bệnh nhân GE, máy điện tim kích thước Kích thước: 50mm x 30m x 16mm . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.16		Giấy in máy theo	Sử dụng cho máy theo dõi bệnh nhân Nihon

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		dõi bệnh nhân Nihon Konden	Kohden, đặc tính kỹ thuật tương đương với giấy FQS 50-3-100. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.17		Giấy in máy theo dõi sản khoa	Sử dụng cho máy Monitor sản khoa K152 - 90. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.18		Giấy in cho máy Monitor sản khoa của hãng Philips	Giấy in nhiệt monitor sản khoa Philip M1911A, kích thước: 150mmx100x150 sheets (P150100/150GNS) kẻ xanh . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.19		Giấy ghi kết quả máy điện tim 6 bút nihon kohden	Giấy điện tim 6 bút không kẻ K110x2x142 sheets - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
29.20		Giấy in kết quả xét nghiệm Kích cỡ 5x 200cm	Sử dụng in kết quả cho các máy xét nghiệm điện giải, nước tiểu khí máu. - Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
30	Giấy thử PH		
30.1		Giấy thử PH	Kích thước ~ 87x67x11mm. Phạm vi test 4.5-9. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31	Kéo, kẹp các loại dùng trong phẫu thuật		
31.1		Kéo Panas 8cm	Kích thước: 8cm. Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.2		Kìm kẹp kim 18cm	Kích thước: 18cm, thẳng. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.3		Nĩa có mẫu 16cm	Kích thước: 16cm. Chất liệu. Thép không gỉ. chất liệu bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.4		Nĩa không mẫu 16cm	Kích thước: 16cm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.5		Panh cong có mẫu 25cm	Kích thước: 23cm, cong. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.6		Panh cong không mẫu 16cm	Kích thước: 16cm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.7		Panh thẳng có	Kích thước: 23cm, thẳng. Chất liệu thép không gỉ.

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		mẫu 25cm	- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.8		Kéo phẫu thuật cong nhọn 11.5cm	Kích thước: 11.5cm. Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.9		Kéo phẫu thuật cong nhọn 16cm	Kích thước: 16cm. Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.10		Kéo phẫu thuật thẳng nhọn 16cm	Kích thước: 16cm. Chất liệu thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.11		Kéo phẫu thuật thẳng nhọn 11.5cm	Kích thước: 11.5cm. Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.12		Kéo phẫu thuật thẳng tù 16cm	Kích thước: 16cm. Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.13		Kìm cắt đinh chuôi vàng 23cm	Cắt đinh nội tủy, vít kết xương các loại. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, ISO 9001:2015, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
31.14		Kéo cắt băng	Kích thước: 16cm. Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2026, CE. Sản xuất năm 2025 trở về sau
32	Khay men		
32.1		Khay men	Chất liệu thép tráng men dày.kích thước 30x20x5cm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
33	Ắc quy cho lưu điện 12V – 7AH		
33.1		Ắc quy cho lưu điện 12V – 7AH	Điện áp 12V – Dung lượng 7Ah Kích thước: Dài 151 x Rộng 65 x Cao 94 mm Chuyên dùng cho thiết bị UPS trong y tế. Trọng lượng 2.37kg; Số Cell 63Cell Dòng phóng cực đại: 135A (5s) Dòng ngắn mạch: 450A Dòng nạp cực đại: 1.8A Dải nhiệt độ hoạt động: – 20oC ~ + 60oC Kiểu ắc quy: AGM VRLA (kín khí, không cần bảo

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			duỡng) Tiêu chuẩn DIN 43534, IEC 896-2, Sản xuất năm 2025 trở về sau
34	Bơm tạo áp lực UF		
34.1		Bơm tạo áp lực UF	Sử dụng thay thế bơm tạo áp lực cho máy lọc máu 4008S. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
35	Muối hoàn nguyên nước RO		
35.1		Muối hoàn nguyên nước RO	Hình dạng: dạng viên nén Màu sắc: màu trắng sáng .Độ tinh khiết: 99,99%. Độ ẩm là: 0%. Hòa tan: 100%. Tạp chất: 0,01%. Không mùi. - Sản xuất năm 2025 trở về sau
36	Gel siêu âm		
36.1		Gel siêu âm	- Gel trong, đồng chất, không gây dị ứng trên bề mặt da - Tỷ lệ thành phần: + Hydro ethyl cellulo: 2% + Carbomer: 1% + Methyl paraben: 0,2% + Propyl paraben: 0,02% + PEG 400: 1% + Glycerin: 0,5% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; ISO 9001: 2015; Sản xuất năm 2025 trở về sau
37	Lọ nhựa đựng mẫu bệnh phẩm các cỡ		
37.1		Lọ nhựa đựng mẫu bệnh phẩm các cỡ	Khối lượng riêng (dạng vô định hình) Độ bền kéo 30-400N/mm ² Độ giãn dài 250-700% Điểm nóng chảy ~165 độ C
38	Lưỡi cắt dùng trong phẫu thuật		
38.1		Lưỡi cắt vô lê mở sọ phẫu thuật thần kinh, sọ não	Chiều dài khoảng 28-30mm. Đường kính từ 6-9mm. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
38.2		Lưỡi cưa cho phẫu thuật khớp gối	Chiều dài khoảng 80mm. Cỡ lưỡi 8mm. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
38.3		Lưỡi cưa xương ức	- Chất liệu bằng thép ko gỉ - Chiều dài hoạt động 34mm - Độ dày lưỡi cắt 1,2mm

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			- Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
39	Màng bọc Paraphin		
39.1		Màng bọc Paraphin	chống thấm nước, chống thấm dầu, chống dính
40	Màng bọc và bảo quản PE		
40.1		Màng bọc và bảo quản PE	cấu tạo màng nhựa mỏng có lớp keo dính acrylic. Màu sắc trong suốt, được sử dụng để bảo vệ mặt nhựa, thủy tinh, kính, bảng PCB, Chiều rộng (mm)x Chiều dài (m): 50mmx200m. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
41	Mũi khoan phẫu thuật các loại, các cỡ		
41.1		Mũi khoan phẫu thuật răng	Mũi khoan phẫu thuật dùng để cắt răng trong phẫu thuật thẩm mỹ, chất liệu bằng thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
41.2		Mũi khoan tròn kim cương	Đề mài răng trong phục hình thẩm mỹ, chất liệu bằng thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
42	Mũi khoan, mũi mài các loại		
42.1		Mũi khoan lỗ tạo hình	- Chất liệu: thép không gỉ, - Đầu mũi khoan dạng xoắn - Đường kính 2.0 mm, tổng chiều dài 44.5 mm, chiều dài đầu mũi 6.5mm - Tương thích với máy Aesculap - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.2		Mũi khoan xương đầu xoắn f 2.8 mm	- Chiều dài đầu mũi dài 50mm, tổng chiều dài 145mm, đầu nối Jacob. - Thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.3		Mũi khoan xương đầu xoắn f 3.5 mm	- Chiều dài đầu mũi dài 60mm, tổng chiều dài 170mm, đầu nối Jacob. - Thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.4		Mũi khoan xương	- Chiều dài đầu mũi 50mm, tổng chiều dài 225mm,

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		đầu xoắn f 4.0 mm	đầu nối AO - Thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.5		Mũi khoan xương đầu xoắn f 4.5 mm	- Chiều dài đầu mũi 80mm, tổng chiều dài 170mm, đầu nối Jacob. - Thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.6		Mũi mài kim cương	- Dài 76mm-140mm. - Đường kính từ 3,1 mm-5 mm - Chất liệu bằng thép không gỉ. - Tương thích với máy khoan Asculap Bệnh viện sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.7		Mũi khoan mài kim cương đường kính 1,0-6,0mm, chiều dài 76- 140mm	- Dài 76mm-140mm. - Đường kính từ 3,1 mm-5 mm - Chất liệu bằng thép không gỉ. - Tương thích với máy khoan Asculap Bệnh viện sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.8		Mũi khoan mở hộp sọ loại thẳng	- Chất liệu: thép không gỉ - Loại thẳng: đường kính 2.5 mm, tổng chiều dài 44.5 mm, chiều dài đầu mũi 21,5 mm - Phù hợp với máy Aesculap - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.9		Mũi khoan mở hộp sọ loại xoắn	- Chất liệu: thép không gỉ - Loại xoắn: đường kính 2.9 mm, tổng chiều dài 44.5 mm, chiều dài đầu mũi 26 mm - Phù hợp với máy Aesculap - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.10		Mũi khoan sọ tự dùng cho người lớn	- Dùng 1 lần - Đường kính trong 8 - 11 mm, đường kính ngoài 11 - 14 mm, độ dày xương sọ 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.11		Mũi khoan sọ tự dùng cho trẻ em	- Dùng 1 lần - Đường kính trong 6 ,8, đường kính ngoài 9 ,11mm, độ dày xương sọ 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.12		Mũi khoan sọ tự dùng, các cỡ	-Độ dày xương sọ chỉ 1.0mm; 2.0mm; 3.0mm - Gồm các loại 6.0mm/9.0mm; 7.0mm/11.0mm;

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			8.0mm/11.0mm; 11mm/14mm (đường kính trong/đường kính ngoài) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.13		Mũi khoan xương đầu xoắn f 3.2 mm	- Chiều dài đầu mũi 60mm, tổng chiều dài 170mm, đầu nối Jacob. - Thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
42.14		Mũi khoan xương đầu xoắn f 2.5 mm	- Chiều dài đầu mũi dài 50mm, tổng chiều dài 135mm, đầu nối Jacob. - Thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
43	Nẹp đóng sọ không dùng vít		
43.1		Nẹp đóng sọ không dùng vít	* Nẹp đóng sọ không dùng vít, chất liệu nhựa PEEK, được dùng để cố định nắp sọ và đồng thời đóng các lỗ được tạo ra bởi mũi khoan * Phù hợp với xương sọ có độ dày từ 2,5 mm đến 20 mm. * Có 2 cấu hình: Nẹp rãnh GAP và Nẹp lỗ HOLE * Cấu tạo gồm: 1 trục, 1 đế GAP, 1 đế HOLE và 1 nẹp khóa. * Cấu hình GAP phù hợp để dùng cho vị trí rãnh cắt sọ có chiều rộng khoảng 1,7 mm. Cấu hình HOLE phù hợp để sử dụng ở các vị trí lỗ tạo ra bởi mũi khoan sọ từ dùng có đường kính từ 9 mm đến 14 mm. * Đóng gói trong một bao bì blister kép và được tiệt trùng. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2024 trở về sau
44	Ống hút nước bọt		
44.1		Ống hút nước bọt	- Chất liệu: nhựa PCV không độc hại - Sản xuất năm 2025 trở về sau
45	Phin lọc đo chức năng hô hấp		
45.1		Phin lọc đo chức năng hô hấp	Phin lọc đo chức năng hô hấp dùng cho máy Chest. Phin lọc đo chức năng hô hấp với hiệu quả lọc vi khuẩn 99.99%. Độ trở kháng 15 tại 30l/phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Sản xuất năm 2025 trở về sau
46	Pin cho máy bơm tiêm điện		

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
46.1		Pin cho máy bơm tiêm điện	Điện áp: 12V. Điện dung: 700mAh. Tương thích với các bơm tiêm điện của Terumo. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
47	Pin máy y tế		
47.1		Pin cho Holter nhịp/huyết áp	Pin dùng một lần không sạc pin Kiềm 1,5 V loại AA , sản xuất 2025 về sau
47.2		Pin tiểu AAA cho các máy y tế	Pin dùng một lần không sạc pin đũa AAA 1,5 V loại pin Kiềm 1,5 V , sản xuất 2025 về sau
47.3		Pin trung cho các máy y tế	Pin dùng một lần không sạc pin trung 1,5 V loại pin Kiềm 1,5 V. sản xuất 2025 về sau
48	Tấm lót chống thấm y tế các loại		
48.1		Tấm lót chống thấm y tế	Tấm lót chống thấm y tế được làm bằng sợi visco, polyester. Bề mặt có lớp lưới polyethylene. Có thể ứng dụng lau siêu âm trong bệnh viện.
49	Tay cầm các loại		
49.1		Tay cầm Clickline có khóa	Tay cầm Clickline, bằng nhựa, có khóa, có chân cắm đốt điện đơn cực. Sản xuất năm 2025 trở về sau
49.2		Tay cầm Clickline không khóa, có chân cắm đốt điện đơn cực	Tay cầm Clickline, bằng nhựa, không khóa, có chân cắm đốt điện đơn cực. Sản xuất năm 2025 trở về sau
49.3		Tay cầm Clickline, bằng kim loại, xoay được	Tay cầm Clickline, bằng kim loại, xoay được, có khóa, không có chân cắm đốt điện. Sản xuất năm 2025 trở về sau
49.4		Tay cầm TAKE- APART	Tay cầm TAKE-APART, dạng xỏ ngón, có chân cắm đốt điện lưỡng cực. Sản xuất năm 2025 trở về sau
49.5		Vỏ ngoài Clickline, cách điện, có đầu tưới để vệ sinh	Vỏ ngoài, bằng kim loại, có bọc cách điện, có đầu nối khóa Luer để tưới rửa vệ sinh. Cỡ 5 mm, dài 36 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
49.6		Vỏ ngoài kẹp lưỡng cực TAKE- APART	Vỏ ngoài TAKE-APART, cho dụng cụ lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài 33 cm. Sản xuất năm 2025 trở về sau
50	Tay dao phẫu thuật		
50.1		Tay dao mổ điện đơn cực (Hai phím bấm)	Tay dao mổ điện sử dụng nhiều lần, dây silicon hoặc tương đương dài $4,6m \pm 5\%$. Sản xuất năm 2025 trở về sau
50.2		Tay dao phẫu thuật hàn mạch	-Tay dao hàn mạch mổ mở dạng kéo - Hàm phủ nano chống dính, thon nhọn

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		dạng kéo dùng cho mổ mở, hàm phủ nano	- Chiều dài 21cm \pm 5% - Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
50.3		Tay dao phẫu thuật hàn mạch dùng cho mổ mở hàm phủ nano, đầu dao thiết kế dạng cong	-Tay dao hàn mạch mổ mở hàm phủ nano chống dính, đầu cong, - Chiều dài thân dao 23cm , đường kính thân dao 5mm \pm 5% - Hàm dao có thể quay \geq 180 độ, sử dụng cho máy Forcetriad tại bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
50.4		Tay dao phẫu thuật hàn mạch dùng cho mổ nội soi hàm phủ nano, đầu dao thiết kế dạng cong	-Tay dao hàn mạch mổ nội soi hàm phủ nano chống dính, đầu cong, - Chiều dài thân dao 37cm , đường kính thân dao 5mm \pm 5% - Hàm dao có thể quay \geq 180 độ, sử dụng cho máy Forcetriad tại bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
51	Tay dao siêu âm mổ mở và nội soi		
51.1		Tay mổ siêu âm dạng kéo	Tay dao siêu âm chuyên dùng trong mổ mở, tay cầm dạng kéo, đầu cong, chiều dài cán 9cm. - Có khả năng hàn mạch máu kích thước \leq 5mm. - Có miếng dán bảo vệ trên hàm cắt. - Phạm vi tổn thương nhiệt chỉ 1mm. - Tương thích với dây dao cùng loại (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành cơ năng) và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm Ethicon Harmonic GEN11. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
51.2		Tay mổ siêu âm dạng súng	Tay dao siêu âm chuyên dùng trong mổ mở và mổ nội soi, tay cầm dạng súng, đầu cong. Chiều dài cán các cỡ 13cm, 22cm, 35mm, đường kính cán 5.5mm. - Có khả năng hàn mạch máu kích thước \leq 5mm. - Có miếng dán bảo vệ trên hàm cắt. - Phạm vi tổn thương nhiệt chỉ 1mm. - Tích hợp cò lê xoắn trên núm xoay giúp dễ dàng kết nối với dây dao. - Tương thích với dây dao cùng loại (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành cơ năng) và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm Ethicon Harmonic GEN11. Sản xuất năm 2025 trở về sau
52	Tay khoan sọ não		

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
52.1		Tay khoan sọ não	Cấu hình: Mô tơ tốc độ thấp, công suất 180W, có thể quay đảo chiều, mô men xoắn 10Ncm, nặng 150g. Sản xuất năm 2025 trở về sau
53	Trocar nhựa các cỡ		
53.1		Trocar nhựa các cỡ	Trocar thân nhựa có ren/rãnh cố định chữ Z, hoặc có bóng, có lỗ. Kích thước nòng 5mm/11mm/12mm, chiều dài 100mm \pm 5% Van giữ khí hình mỏ vịt đôi giúp tránh bị rò khí, có khả năng giữ camera và dụng cụ nội soi. Gồm 1 nòng và 1 vỏ ngoài. Đạt chứng nhận FDA hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
54	Trocar, van Trocar các cỡ		
54.1		Troca kim loại 6mm, van đa chức năng	Trocar kim loại trơn, cỡ 6 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm. Nòng trong đầu sắc hình kim tự tháp. Vỏ ngoài trocar, có van khóa dùng bơm hơi, dài 10.5 cm. Van đa năng. Sản xuất năm 2025 trở về sau
54.2		Trocar kim loại 11mm, van đa chức năng	Trocar kim loại trơn, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, gồm có : Nòng trong đầu cùn, Vỏ ngoài, Van đa năng. Sản xuất năm 2025 trở về sau
54.3		Trocar nhựa xoắn	Trocar cỡ 6 mm, vỏ nhựa xoắn, không có đầu nối bơm khí, đầu sắc hình kim tự tháp, chiều dài làm việc 6 cm. Bao gồm 2 phần: Vỏ trocar, Nòng trocar. Sản xuất năm 2025 trở về sau
54.4		Van trocar đa chức năng cỡ 11 mm	Van trocar đa chức năng cỡ 11mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động. Sản xuất năm 2025 trở về sau
54.5		Van trocar đa chức năng cỡ 6mm	Van trocar đa chức năng cỡ 6 mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động. Sản xuất năm 2025 trở về sau
54.6		Vỏ trocar 11 mm, dài 10.5 cm	Vỏ trocar, cỡ 11mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ, đầu vát chéo, có van bơm khí. Sản xuất năm 2025 trở về sau
55	Túi ép tiệt trùng Tyver Plasma		
55.1		Cuộn tiệt trùng TYVEK Plasma 100mm*70m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PE/PET) và (RCPP) cho phép thấm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 60 μ m \pm 5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng hơi nước, khí Ethylene oxide (E.O gas), Plasma, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
55.2		Cuộn tiệt trùng	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp.

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		TYVEK Plasma 150mm*70m	Sản xuất từ màng (PE/PET) và (RCPP) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 60μm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng hơi nước, khí Ethylene oxide (E.O gas), Plasma, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
55.3		Cuộn tiệt trùng TYVEK Plasma 200mm*70m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PE/PET) và (RCPP) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 60μm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng hơi nước, khí Ethylene oxide (E.O gas), Plasma, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
55.4		Cuộn tiệt trùng TYVEK Plasma 250mm*70m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PE/PET) và (RCPP) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 60μm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng hơi nước, khí Ethylene oxide (E.O gas), Plasma, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
55.5		Cuộn tiệt trùng TYVEK Plasma 300mm*70m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PE/PET) và (RCPP) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 60μm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng hơi nước, khí Ethylene oxide (E.O gas), Plasma, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
55.6		Cuộn tiệt trùng TYVEK Plasma 350mm*70m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PE/PET) và (RCPP) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 60μm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng hơi nước, khí Ethylene oxide (E.O gas), Plasma, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
55.7		Cuộn tiệt trùng TYVEK Plasma 75mm*70m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PE/PET) và (RCPP) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 60μm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng hơi nước, khí Ethylene oxide (E.O gas), Plasma, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
56	Túi ép tiệt trùng Tyvek		
56.1		Túi cuộn Tyvek cỡ 100mm x 100m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PET/PE) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 70μm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			Formaldehyde hoặc H ₂ O ₂ (plasma). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
56.2		Túi cuộn Tyvek cỡ 150mm x 100m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PET/PE) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 70µm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng Formaldehyde hoặc H ₂ O ₂ (plasma). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
56.3		Túi cuộn Tyvek cỡ 200mm x 100m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PET/PE) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 70µm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng Formaldehyde hoặc H ₂ O ₂ (plasma). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
56.4		Túi cuộn Tyvek cỡ 250mm x 100m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PET/PE) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 70µm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng Formaldehyde hoặc H ₂ O ₂ (plasma). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
56.5		Túi cuộn Tyvek cỡ 300mm x 100m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PET/PE) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 70µm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng Formaldehyde hoặc H ₂ O ₂ (plasma). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
56.6		Túi cuộn Tyvek cỡ 350mm x 100m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PET/PE) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 70µm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng Formaldehyde hoặc H ₂ O ₂ (plasma). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
56.7		Túi cuộn Tyvek cỡ 400mm x 100m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PET/PE) cho phép thẩm thấu H ₂ O ₂ . Độ dày 70µm±5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng Formaldehyde hoặc H ₂ O ₂ (plasma). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
56.8		Túi cuộn Tyvek cỡ 75mm x 100m	- Cấu tạo: Giấy y tế Tyvek và màng film đa lớp. Sản xuất từ màng (PET/PE) cho phép thẩm thấu

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			H2O2. Độ dày 70 μ m \pm 5 - Phù hợp cho quy trình tiệt trùng bằng Formaldehyde hoặc H2O2 (plasma). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
57	Vật tư cho các máy phân tích miễn dịch		
57.1		Cốc đựng mẫu dùng cho máy phân tích miễn dịch dòng Access/DXI	Dung tích 2mL. Thành phần: Polystyrene - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
57.2		Giếng phản ứng cho dòng máy DXI	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58	Vật tư cho dao mổ điện cao tần Lamidey Noury Medical		
58.1		Điện cực Palsma Loop cắt lưỡng cực cho dao mổ điện hàn mạch đường kính 0,28mm	Điện cực Palsma Loop cắt lưỡng cực loại tròn mỏng cong 30° dùng 1 lần Fr24/26 đường kính: 0.28mm/ tiên liệt tuyến qua niệu đạo - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.2		Điện cực Palsma Loop cắt lưỡng cực cho dao mổ điện hàn mạch đường kính 0,38mm	Điện cực Palsma Loop cắt lưỡng cực loại tròn mỏng cong 30° dùng 1 lần Fr24/26 đường kính: 0.38mm/ tiên liệt tuyến qua niệu đạo và Phụ khoa - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.3		Điện cực Palsma Loop cắt lưỡng cực cho dao mổ điện hàn mạch đường kính 3,15mm	Điện cực Palsma Loop cắt lưỡng cực loại hơi nước dạng tròn dùng 1 lần Fr24/26 đường kính: 3.15mm/ Tiết niệu đạo và Phụ khoa - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.4		Điện cực Palsma bóc tách nhân cắt lưỡng cực cho dao mổ điện hàn mạch	Điện cực Palsma lưỡng cực loại bóc tách nhân dùng 1 lần Fr24/26 đường kính: 0.5mm/ khoét nhân - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
58.5		Điện cực lưỡng cực dạng đầu bi cho dao mổ điện hàn mạch	Điện cực Palsma lưỡng cực loại đầu bi dùng 1 lần Fr24/26 đường kính: 3.mm/Đốt cầm máu - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.6		Điện cực lưỡng cực dạng đầu kim cho dao mổ điện hàn mạch	Điện cực Palsma lưỡng cực đầu kim dùng 1 lần Fr24/26 đường kính: 0.38mm/ Tiết niệu và phụ khoa - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.7		Điện cực Loop cắt lưỡng cực loại tròn thẳng cho dao mổ điện hàn mạch	Điện cực Palsma lưỡng cực loại tròn thẳng dùng 1 lần Fr24/26 đường kính: 0.38mm/ Tiết niệu và phụ khoa - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.8		Điện cực lưỡng cực dạng xoắn cho dao mổ điện	Điện cực Palsma lưỡng cực dạng xoắn, dùng 1 lần / dùng trong phẫu thuật phụ khoa - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.9		Điện cực Palsma lưỡng cực loại mỏng 4mm	Điện cực Palsma lưỡng cực loại mỏng 4mm, dùng 1 lần / dùng trong phẫu thuật phụ khoa - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.10		Điện cực lưỡng cực hơi nước cho dao mổ điện hàn mạch	Điện cực Plasma lưỡng cực hóa hơi dạng tròn, dùng 1 lần / dùng trong phẫu thuật phụ khoa - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.11		Điện cực lưỡng cực hóa hơi dạng vòng cho dao mổ điện hàn mạch	Điện cực Plasma lưỡng cực hóa hơi dạng vòng mảnh kích thước 2.5mm dùng 1 lần / dùng trong phẫu thuật phụ khoa - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.12		Điện cực lưỡng cực dạng xoắn cho	Điện cực Plasma lưỡng cực dạng xoắn dùng 1 lần / dùng trong phẫu thuật phụ khoa

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		dao mổ điện hàn mạch	- Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.13		Kẹp hàn mạch dạng mũi mảnh cho dao mổ điện	Kẹp hàn mạch dạng mũi mảnh có cấp dài 160mm/220mm /320mm loại dùng nhiều lần - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.14		Kẹp nhiệt cho dao mổ điện	Dạng phẫu tích hàn mạch và cắt cấp dài 162mm loại dùng nhiều lần - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.15		Kẹp cắt/ hàn mạch máu cho dao mổ điện	Kẹp cắt/ hàn mạch máu dùng cho mổ mở đường kính: 10mm dài 20 cm loại dùng nhiều lần - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.16		Kẹp cắt/ hàn mạch máu dùng cho mổ nội soi ổ bụng đường kính 10mm	Đường kính: 10mm dài 36 cm loại dùng nhiều lần - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.17		Kẹp cắt/ hàn mạch máu dùng cho mổ nội soi ổ bụng đường kính 5mm	Đường kính 5mm, dài 33 cm loại dùng nhiều lần - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.18		Lưỡi dao dùng 1 lần cho kẹp cắt	Đường kính 5mm, 10mm loại dùng nhiều lần - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.19		Cáp bipolar lưỡng cực dùng nhiều lần	Dây bipolar lưỡng cực dùng nhiều lần, hấp tiết trùng, chiều dài 4m, chuẩn EU - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.20		Tay dao phẫu thuật dùng cho khí Argon Plasma	Tay dao phẫu thuật dùng cho khí Argon Plasma có dây cáp gắn điện cực Agon Ø 4mm, kích hoạt thủ công (bằng tay) - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.21		Đầu dò Argont đơn cực	Dài 2.2m, đường kính 2.3; 3.2; 1.5mm - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.22		Cáp kết nối khí Argont	Cáp kết nối khí Argont với module argont với máy chính, chiều dài 4 m. - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.23		Điện cực Argont	Dài 73.5mm; đường kính 5mm. - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
58.24		Điện cực Argont đầu kim	Điện cực Argont đầu kim dài 148.5mm; đường kính 5mm. - Tương thích với dao mổ điện cao tần có chức năng hàn mạch của hãng Lamidey Noury - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
59	Vật tư cho máy đông máu ACL TOP		
59.1		Cóng phản ứng dạng khối dùng cho hệ thống máy đông máu tự động ACL TOP	- Dạng nhựa rắn 4 cồng liền khối trên một thanh. - Tương thích với máy đông máu ACL TOP - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
60	Vật tư cho máy đông máu Sysmex		
60.1		Ống phản ứng được dùng để chứa mẫu và hóa chất trên máy đông máu tự động CA-620	- Ống phản ứng dùng để chứa mẫu và hóa chất trên dòng máy phân tích đông máu tự động CA-620 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
60.2		Ống phản ứng được dùng để chứa mẫu và hóa chất trên máy đông máu tự động	- Ống phản ứng dùng để chứa mẫu và hóa chất trên dòng máy phân tích đông máu tự động CN-3000 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		CN-3000	
61	Vật tư cho máy tiệt trùng		
61.1		Chỉ thị diệt trùng nhiệt độ cao	Thành phần: keo, hóa chất hấp thụ nhiệt, cao su khô tự nhiên. Kích thước 24 cm x 55 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
61.2		Chỉ thị diệt trùng nhiệt độ thấp	Kích cỡ 12mm x 50m. Sử dụng cho các phương pháp diệt trùng: Hydrogen Peroxide (Plasma), Khí E.O. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
61.3		Que chỉ thị diệt trùng nhiệt độ thấp Plasma	Dùng cho các phương pháp diệt trùng: Hydrogen Peroxide (Plasma), Khí E.O. Cỡ 15mm x 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
61.4		Que kiểm soát sinh học diệt trùng Plasma	Tương thích với máy diệt trùng nhiệt độ thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
62	Vật tư cho máy xét nghiệm điện giải		
62.1		Cảm biến mẫu cho điện giải Ilyte	Tương thích với máy xét nghiệm điện giải Ilyte. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
62.2		Dây bơm hóa chất cho máy điện giải Ilyte	Tương thích với máy xét nghiệm điện giải Ilyte. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
62.3		Điện cực Ca máy cho điện giải Ilyte	Tương thích với máy xét nghiệm điện giải Ilyte. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
62.4		Điện cực Kali cho máy điện giải Ilyte	Tương thích với máy xét nghiệm điện giải Ilyte. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
62.5		Điện cực Na cho máy điện giải Ilyte	Tương thích với máy xét nghiệm điện giải Ilyte. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
62.6		Điện cực tham chiều cho máy điện giải Ilyte	Tương thích với máy xét nghiệm điện giải Ilyte. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
62.7		Điện cực pH cho máy điện giải Ilyte	Tương thích với máy xét nghiệm điện giải Ilyte. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
63	Vật tư cho máy xét nghiệm HbA1C		
63.1		Cột sắc ký cho máy HbA1C	- Cột được chế tạo bằng vật liệu SUS (thép không gỉ) và nắp xoắn hai đầu được làm từ PEEK

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			(polyether ether ketone) - Thành phần: Hydrophilic polymer of methacrylate esters copolymer - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
64	Vật tư dao phẫu thuật siêu âm các loại, tương thích với dao GEN11		
64.1		Dao siêu âm mổ mở cán dài cỡ 17cm	Dao siêu âm mổ mở, đầu dao cong, dài 16mm, chiều dài cán 17cm, có công nghệ thích ứng mô Tương thích dùng cho máy GEN11. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
64.2		Dao siêu âm mổ mở cỡ 9cm	Dao siêu âm mổ mở, đầu dao cong, dài 16mm, chiều dài cán 9cm, có công nghệ thích ứng mô Tương thích dùng cho máy GEN11. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
64.3		Dao siêu âm mổ nội soi với chế độ cầm máu tăng cường, cỡ 23cm	Dao siêu âm mổ nội soi, đầu dao thon, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 23cm, có chức năng cầm máu tăng cường, hàn được mạch máu 7mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
64.4		Dao siêu âm mổ nội soi với chế độ cầm máu tăng cường, cỡ 36cm	Dao siêu âm mổ nội soi, đầu dao thon, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 36cm, có chức năng cầm máu tăng cường, hàn được mạch máu 7mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
64.5		Dây dao siêu âm tương thích với máy GEN11 hoặc tương đương	Chuyển dao động 55.500 lần/giây, số lần sử dụng ≥ 95 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
64.6		Tay (lưỡi) dao siêu âm mổ nội soi tương thích với máy GEN11 hoặc tương đương cán dài 36cm	Dạng hàm kẹp, chiều dài cán 36cm, chiều dài hàm dao 15mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
64.7		Tay (lưỡi) dao siêu âm mổ nội soi tương thích với máy GEN11 hoặc tương đương dài cán 23cm	Dạng hàm kẹp, chiều dài cán 23cm chiều dài hàm dao 15mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Sản xuất năm 2025 trở về sau
65	Vật tư máy điện		

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
	tìm các loại		
65.1		Cáp điện cực máy điện tim 6 bút	Dây cáp dài $\geq 2\text{m}$, chuẩn IEC. Đầu cáp cắm vào điện cực chỉ, điện cực trước ngực đường kính 3mm. Nhiệt độ hoạt động 5-40 độ, độ ẩm 25-95%. Tương thích máy điện tim Fukuda 8200; BTL; 1250K - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
65.2		Đầu in nhiệt cho điện tim 6 bút	Tương thích máy điện tim 6 Fukuda 8200; BTL. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
66	Vật tư nội soi tiêu hóa		
66.1		Chổi rửa dây soi loại dài	Chổi vệ sinh dụng cụ nội soi; tiêu hóa, khí phế quản, phẫu thuật. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
66.2		Chổi rửa dây soi loại ngắn	Chổi vệ sinh dụng cụ nội soi tiêu hóa, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
67	Vật tư phòng khám		
67.1		Huyết áp đồng hồ	Dải đo: 0 tới 300 mmHg. Độ phân giải đo: 2 mmHg Độ chính xác: ± 3 mmHg: 18 °C tới 33 °C; ± 6 mmHg: 34 °C tới 46 °C . Nguồn bơm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
67.2		ống nghe 2 tai	Ống nghe chia 2 dây Các chức năng, chuyển đổi đa năng trong 01 ống nghe. Dùng cho người lớn và trẻ em - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
67.3		Pepsi huyết áp	Dùng thay thế cho pepsi của bộ đo huyết áp cơ, chất liệu cao su. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
67.4		Quả bóp huyết áp	Quả bóp có van thay thế cho quả bóp hư của bộ đo huyết áp cơ, chất liệu cao su - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
			- Sản xuất năm 2025 trở về sau
68	Vật tư sử dụng cho dao mổ Erbe		
68.1		Dây cáp lưỡng cực tương thích với dao mổ Erbe	Dây nối dụng cụ lưỡng cực, dài 4m, điện áp đỉnh tối đa 1kVp, sử dụng nhiều lần, hấp tiết trùng nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.2		Kẹp lưỡng cực uốn cong tương thích với dao mổ Erbe	Kẹp lưỡng cực uốn cong, dài 165mm, đầu tip 0.4mm, chiều tip 6mm, điện áp đỉnh tối đa 0.5 kVp, sử dụng nhiều lần, hấp tiết trùng nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.3		Tấm điện cực trung tính sử dụng một lần tương thích với dao mổ Erbe	Tấm điện cực trung tính dán kiểu chia đôi có vòng đẳng thế, sử dụng cho người lớn và trẻ em Có thể dán theo mọi hướng không phụ thuộc vào hướng của phẫu trường. Diện tích tiếp xúc 82 cm ² ±5% Diện tích vòng đẳng thế 23 cm ² ±5% Vật liệu tương thích sinh học với da - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.4		Tay dao đơn cực 2 nút bấm, có dây kết nối sẵn	Tay dao cắt đơn cực 2 nút bấm, dây dài 4m, lỗ gắn đầu dao 2.35mm, chuẩn gắn 3 châu, điện áp đỉnh tối đa 6kVp, sử dụng nhiều lần, hấp tiết trùng ở nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.5		Tay dao mổ điện đơn cực sử dụng nhiều lần	Tay dao cắt đơn cực 2 nút bấm, lỗ gắn đầu dao 2.35mm, cáp kết nối 4m, điện áp đỉnh tối đa 5kVp, sử dụng nhiều lần, hấp tiết trùng ở nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.6		Dây cáp lưỡng cực chuẩn 2 pin tương thích với dao mổ Erbe	Dây nối dụng cụ lưỡng cực, dài 4m, chuẩn 2 pin – 28 mm, điện áp đỉnh tối đa 1kVp, sử dụng nhiều lần, hấp tiết trùng nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
68.7		Dây cáp lưỡng cực, chuẩn dẹt tương thích với dao mổ Erbe	Dây nối dụng cụ lưỡng cực, dài 4m, chuẩn 2 dẹt – 28 mm, điện áp đỉnh tối đa 1kVp, sử dụng nhiều lần, hấp diệt trùng nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.8		Dây nối tám điện cực trung tính sử dụng nhiều lần	Dây nối điện cực trung tính, dài 4m, điện áp đỉnh tối đa 0.5kVp, sử dụng nhiều lần, hấp diệt trùng nhiệt độ cao tối đa 138 độ C - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.9		Kẹp lưỡng cực lưỡi lê dài 165mm tương thích với dao mổ Erbe	Kẹp lưỡng cực lưỡi lê, dài 165mm, chiều dài tip 6mm, đầu tip 0.2mm, điện áp đỉnh tối đa 0.5 kVp, sử dụng nhiều lần, hấp diệt trùng nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.10		Kẹp lưỡng cực lưỡi lê dài 190mm tương thích với dao mổ Erbe	Kẹp lưỡng cực lưỡi lê, dài 190mm, đầu tip 1mm, đầu cùn, điện áp đỉnh tối đa 0.5 kVp, sử dụng nhiều lần, hấp diệt trùng nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.11		Kẹp lưỡng cực Premium tương thích với dao mổ Erbe	Kẹp lưỡng cực không dính, thẳng, dài 230mm, đầu tip 2mm, đầu tù, bề mặt mài nhám giúp giữ chặt mô, điện áp đỉnh tối đa 0.5 kVp, sử dụng nhiều lần, hấp diệt trùng nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.12		Kẹp lưỡng cực sử dụng nhiều lần tương thích với dao mổ Erbe	Kẹp lưỡng cực góc 160°, dài 190mm, đầu tip 6mm, đầu nhọn, điện áp đỉnh tối đa 0.5 kVp, sử dụng nhiều lần, hấp diệt trùng nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
68.13		Kẹp lưỡng cực thẳng tương thích với dao mổ Erbe	Kẹp lưỡng cực thẳng, dài 150mm, đầu tip 0.7 mm, điện áp đỉnh tối đa 0.5 kVp, sử dụng nhiều lần, hấp diệt trùng nhiệt độ cao tối đa 138 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
69	Vật tư sử dụng điều trị bệnh		

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
	tiệt niệu		
69.1		Rọ lấy sỏi Nitinol loại có đầu	<ul style="list-style-type: none"> * Rọ lấy sỏi chất liệu Nitinol * Loại có đầu * Các cỡ: 1,9FR, 2,2FR, 3FR, 4FR, 5 FR * Tổng chiều dài: 90/110/120cm, chiều dài rọ 22-28,5mm, đường kính rọ 13,5-20mm * Loại rọ: Helical. * tiết trùng bằng EO. * Tay cầm có thể tháo rời - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
69.2		Rọ lấy sỏi Nitinol loại không đầu	<ul style="list-style-type: none"> * Rọ lấy sỏi chất liệu Nitinol * Loại không có đầu * Các cỡ: 1,9FR, 2,2FR, 3FR, 4FR, 5 FR * Tổng chiều dài: 90/110/120cm, chiều dài rọ 22-28,5mm, đường kính rọ 13,5-20mm * Loại rọ: Helical. * tiết trùng bằng EO. * Tay cầm có thể tháo rời - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
69.3		Rọ lấy sỏi phẫu thuật nội soi	<ul style="list-style-type: none"> * Rọ lấy sỏi, chất liệu thép không gỉ * 4 dây * Các cỡ: 3FR, 4FR. 5FR * Loại có đầu * Loại rọ: Helical/Parallel * Tổng chiều dài: 90cm-110cm, chiều dài rọ 28-28,5mm, đường kính rọ 16-20mm * Loại dây tròn * Tay cầm có thể tháo rời - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
70	Vật tư túi ép tiệt trùng cuộn dẹp		
70.1		Cuộn tiết trùng dẹp 100mm*200m	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm 2 chất liệu: 1 lớp giấy y tế và 1 lớp film. Lớp giấy y tế có trọng lượng giấy 70g/m². Màng film đa lớp: Sản xuất từ màng (PET) và (CPP); độ dày: 52μm (gồm 2 lớp: PET dày 12μm; CPP dày 40μm). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
70.2		Cuộn tiết trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm 2 chất liệu: 1 lớp giấy y tế và 1 lớp film.

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		đẹp 150mm*200m	Lớp giấy y tế có trọng lượng giấy 70g/m2. Màng film đa lớp: Sản xuất từ màng (PET) và (CPP); độ dày: 52µm (gồm 2 lớp: PET dày 12µm; CPP dày 40µm). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
70.3		Cuộn tiết trùng đẹp 200mm*200m	- Gồm 2 chất liệu: 1 lớp giấy y tế và 1 lớp film. Lớp giấy y tế có trọng lượng giấy 70g/m2. Màng film đa lớp: Sản xuất từ màng (PET) và (CPP); độ dày: 52µm (gồm 2 lớp: PET dày 12µm; CPP dày 40µm). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
70.4		Cuộn tiết trùng đẹp 250mm*200m	- Gồm 2 chất liệu: 1 lớp giấy y tế và 1 lớp film. Lớp giấy y tế có trọng lượng giấy 70g/m2. Màng film đa lớp: Sản xuất từ màng (PET) và (CPP); độ dày: 52µm (gồm 2 lớp: PET dày 12µm; CPP dày 40µm). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
70.5		Cuộn tiết trùng đẹp 300mm*200m	- Gồm 2 chất liệu: 1 lớp giấy y tế và 1 lớp film. Lớp giấy y tế có trọng lượng giấy 70g/m2. Màng film đa lớp: Sản xuất từ màng (PET) và (CPP); độ dày: 52µm (gồm 2 lớp: PET dày 12µm; CPP dày 40µm). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
70.6		Cuộn tiết trùng đẹp 350mm*200m	- Gồm 2 chất liệu: 1 lớp giấy y tế và 1 lớp film. Lớp giấy y tế có trọng lượng giấy 70g/m2. Màng film đa lớp: Sản xuất từ màng (PET) và (CPP); độ dày: 52µm (gồm 2 lớp: PET dày 12µm; CPP dày 40µm). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Sản xuất năm 2025 trở về sau
70.7		Cuộn tiết trùng đẹp 75mm*200m	- Gồm 2 chất liệu: 1 lớp giấy y tế và 1 lớp film. Lớp giấy y tế có trọng lượng giấy 70g/m2. Màng film đa lớp: Sản xuất từ màng (PET) và (CPP); độ dày: 52µm (gồm 2 lớp: PET dày 12µm; CPP dày 40µm). Sản xuất năm 2025 trở về sau
71	Vật tư xét phụ trợ dùng trong xét nghiệm		

STT lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
71.1		Giấy lọc thô	Kích thước 60x60cm. Loại giấy lọc có tính dai từ chất liệu PP và PE. Sản xuất năm 2025 trở về sau
71.2		Giấy bản loại gói dụng cụ sấy tiệt khuẩn	Dùng để gói dụng cụ y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
71.3		Giấy bọc bệnh phẩm Size 45cm-18 inch	Chất liệu nhôm nguyên chất. Size 45cm-18 inch. Trọng lượng: 5Kg. Sản xuất năm 2025 trở về sau
71.4		Giấy bọc Paraphin	chống thấm nước, chống thấm dầu, chống dính
71.5		Giấy gói dụng cụ y tế	Màu sắc: Xanh dương hoặc Xanh lá Bao gồm các kích cỡ: R 1000mm, D 1000mm, 250 tờ/túi. Định lượng 60 g/m ² * Tương thích với các phương pháp khử trùng: – Khử trùng bằng hơi nước – Đóng gói để tiệt trùng thiết bị y tế tái sử dụng – Khử trùng bằng EO – Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
71.6		Giấy in nhiệt máy xét nghiệm nước tiểu	Giấy in nhiệt K58mm (CT100) - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001
71.7		Giấy lọc cho giải phẫu bệnh lý	Kích thước 50x50mm. - Sản xuất năm 2025 trở về sau
72	Giấy thấm hóa chất cho máy nhuộm mô		
72.1		Giấy thấm hóa chất cho máy nhuộm mô	- Vật liệu giấy bằng sợi tế bào sinh học (cell fiber) có khả năng thấm hút các loại chất lỏng có độ nhớt khác nhau - Kích thước: 25x115mm - Sử dụng với máy nhuộm bệnh phẩm STP120-1 Myr-Thermo-Tây Ban Nha
73	Xốp hơi bọc và bảo quản thiết bị y tế		
73.1		Xốp hơi bọc và bảo quản thiết bị y tế	Xốp hơi bóng khí. kích thước 60cmx100m, có tác dụng chống sốc, chống bể, dùng để gói, bảo quản chống trầy xước, sứt mẻ, va chạm và đổ bể. Sản xuất năm 2025 trở về sau

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu hoàn thiện **Bảng đáp ứng kỹ thuật chi tiết** như **Mẫu số 21** dưới đây (*Nhà thầu gửi file scan và file dữ liệu dạng .xlsx đính kèm E-HSDT*).

- Nhà thầu kê khai đầy đủ thông tin theo **Mẫu số 22** dưới đây: Bảng danh mục hàng hóa dự thầu và **cung cấp file định dạng Excel kèm E-HSDT**, kèm bản scan ký đóng dấu đại diện hợp pháp của nhà thầu.

- Nhà thầu phải thực hiện cam kết theo **Mẫu số 23** (*Nhà thầu ký tên, đóng dấu và scan gửi kèm E-HSDT*).

- Nhà thầu phải đính kèm E-HSDT bản scan đầy đủ các tài liệu liên quan thông số kỹ thuật hàng hóa: Catalogue hàng hóa, tài liệu kỹ thuật do hãng sản xuất phát hành có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật chào thầu. Đối với các hàng hóa nhập khẩu phải có bản dịch sang tiếng Việt do cơ sở dịch thuật hợp pháp hoặc bản dịch tiếng Việt được đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất/nhà phân phối. Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa phải được để đúng thứ tự lần lượt theo danh mục hàng hóa dự thầu, được ghi chú rõ ràng thể hiện tài liệu của hàng hóa nào và được tham chiếu số trang trong **Bảng đáp ứng kỹ thuật chi tiết**. Nhà thầu đánh dấu (**highlight**) các thông tin về ký mã hiệu, nhãn hiệu, thông số kỹ thuật của hàng hóa tại các tài liệu này.

- Nhà thầu phải đính kèm E-HSDT bản scan đầy đủ các tài liệu thể hiện tính hợp pháp của hàng hóa dự thầu như sau:

Đối với hàng hóa là thiết bị y tế:

+ Bảng phân loại trang thiết bị y tế.

+ Tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam (Văn bản cấp số lưu hành hoặc số đăng ký lưu hành hoặc giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hoặc các tài liệu tương đương) theo quy định của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định về việc quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

Đối với hàng hóa khác

+ Cung cấp tài liệu lưu hành phù hợp với các phân loại hàng hóa theo đúng quy định của pháp luật, đính kèm một trong các tài liệu sau: Tiêu chuẩn cơ sở/Chứng nhận xuất xưởng/Phiếu công bố sản phẩm/Tờ khai nhập khẩu chứng minh hàng hóa được nhập khẩu hợp pháp vào thị trường Việt Nam hoặc tài liệu tương đương

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Thời gian: Từ khi bàn giao hàng hóa đến khi được nghiệm thu đưa vào sử dụng
- Địa điểm: Tại nơi hàng hóa được bàn giao
- Nội dung và cách thức tiến hành

+ Khi hàng hóa được chuyển đến địa điểm giao hàng, hai bên cùng nhau tiến hành kiểm tra hàng hóa (danh mục, số lượng) và các hồ sơ, chứng từ liên quan đảm bảo đúng quy định của hợp đồng, làm cơ sở lập biên bản bàn giao

+ Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa: Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra thử nghiệm hàng hóa dưới sự giám sát của chủ đầu tư và cán bộ kỹ thuật đại diện của chủ đầu tư để chứng minh hàng hóa đó có chất lượng, cấu hình, thông số kỹ thuật... phù hợp với các quy định trong hợp đồng. Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu do Nhà thầu thanh toán.

+ Bất cứ một hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật..., thì chủ đầu tư có thể từ chối và nhà thầu sẽ phải thay thế các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa bị từ chối, mọi chi phí thay thế hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm, các hàng hóa thay thế phải đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu

BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT CHI TIẾT

Nhà thầu: <Tên nhà thầu>

Tên người phụ trách xây dựng E-HSDT:

Số điện thoại:

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa dự thầu	Ký, mã hiệu của hàng hóa dự thầu	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật chi tiết theo E-HSMT	Cấu hình kỹ thuật chào thầu	Dẫn chiếu tới tài liệu
1		Hàng hóa 1	Hàng hóa dự thầu	KH1 Nhà thầu phải kê khai đầy đủ, cụ thể các mã hàng hóa dự thầu)	Đặc tính 1 Đặc tính 2 Đặc tính 3	Đặc tính 1	(Trang 1, tài liệu: catalogue 01)
						Đặc tính 2	(Trang 2, tài liệu: catalogue 01),
						Đặc tính 3	(Trang 3, tài liệu: catalogue 01)
						(Trang 4, tài liệu: catalogue 01)
		Hàng hóa 2					
		...					
2							

....., ngày.....tháng.....năm 20...

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

*Chú ý: - Nhà thầu dẫn chiếu chi tiết các đặc tính kỹ thuật tới tài liệu tham chiếu.

- Trên tài liệu tham chiếu có đánh dấu highlight tại các vị trí tham chiếu.

BẢNG DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Số điện thoại của người phụ trách chuẩn bị E-HSDT:

STT	Thông tin mời thầu (tại E-HSMT)				Thông tin của hàng hóa dự thầu (tại E-HSDT)															
	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa mời thầu	Tên thương mại của hàng hóa dự thầu	Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa dự thầu	Model, ký mã hiệu/chứng loại mã hàng	Nhãn hiệu của hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Phân loại TBY T (nếu có)	Số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc GPNK	Mã vật tư y tế theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 (nếu có)	Tên vật tư theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 (nếu có)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế, phí, lệ phí)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế, phí, lệ phí)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:**

- Cột (1): Nhà thầu ghi số thứ tự phần lô mà nhà thầu tham dự. Ví dụ nhà thầu tham dự 10 phần lô thì ghi số thứ tự liên tục từ 1 đến 10
- Cột (2), (3), (4), (5), (18): Ghi đúng với Danh mục hàng hóa theo E-HSMT
- Cột (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (19), (20), (21): Nhà thầu ghi thông tin sản phẩm tham dự thầu phù hợp với tài liệu lưu hành
- Cột (17): Nhà thầu ghi rõ đơn vị tính của sản phẩm dự thầu. Trường hợp không tương đương với đơn vị tính trong thông tin mời thầu, đề nghị nhà thầu cung cấp tài liệu giải thích để Chủ đầu tư có căn cứ đánh giá mức độ phù hợp về kỹ thuật và tính kinh tế của mặt hàng dự thầu.
- Cột (15), (16): Nhà thầu ghi thông tin đã được cấp mã theo QĐ 5086/QĐ-BYT.

- Cột (18): Nếu nhà thầu chào với số lượng lớn hơn hoặc nhỏ hơn so với yêu cầu trong E-HSMT, Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận và không thực hiện đánh giá hàng hóa đó

BẢN CAM KẾT

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: Bệnh viện Quân y 105
(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu E-HSMT và văn bản sửa đổi E-HSMT _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi _____ [Ghi tên nhà thầu] cam kết:

1. Hạch toán tài chính độc lập;
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;
3. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành. Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu
4. Không có gói thầu nào không thương thảo hợp đồng, hoặc có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó.
5. Hàng hóa dự thầu không bị lập biên bản ghi nhận sự việc bị lỗi, bị kém chất lượng gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh và quá trình sử dụng của người sử dụng.
6. Cam kết các tài liệu trong hồ sơ dự thầu này đều trung thực, hợp pháp. Nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì E-HSMT xem như không hợp lệ;
7. Cam kết cung cấp vật tư, hàng hóa trúng thầu đảm bảo chất lượng, kỹ thuật đáp ứng hồ sơ mời thầu và đúng với hồ sơ dự thầu, cũng như các giấy tờ pháp lý liên quan đến chất lượng hàng hóa hợp lệ và đúng quy định.
8. Cam kết hàng hóa cung cấp đảm bảo mới 100%, có nhãn với đầy đủ thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn mác hàng hóa.
9. Cam kết đóng gói, vận chuyển: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
10. Cam kết bảo quản hàng hóa: Theo quy định của nhà sản xuất.
11. Cam kết thu hồi và thay thế, đổi trả 1:1 khi với trường hợp sau:
 - Hàng hóa kiểm tra và thử nghiệm không phù hợp với đặc tính kỹ thuật đã chào thầu.
 - Hàng hóa khi đưa vào sử dụng không đáp ứng yêu cầu về chất lượng
 - Trường hợp hàng hóa bị lỗi, bị hỏng hoặc có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa do lỗi của nhà thầu, hoặc khi có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.
12. Hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ thời điểm giao hàng:

+ Tối thiểu 12 tháng, đối với hàng hóa có hạn dùng ≥ 24 tháng.

+ Tối thiểu $\frac{1}{2}$ hạn dùng, đối với hàng hóa có hạn sử dụng ≤ 24 tháng.

13. Cam kết về tiến độ giao hàng: Nhà thầu trúng thầu giao hàng trong vòng 3 ngày khi có yêu cầu đặt hàng của chủ đầu tư.

14. Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm trong việc bàn giao, hướng dẫn sử dụng để bảo đảm hiệu quả, chất lượng, an toàn cho người bệnh và nhân viên sử dụng.

15. Cam kết cung cấp trung thực và đầy đủ hồ sơ hải quan (Trong đó bao gồm có: Chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng (đối với hàng hóa nhập khẩu)) theo yêu cầu của bên mời thầu khi có liên quan đến bên thứ ba.

16. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ cung cấp hàng hóa: Nhà thầu cam kết cung cấp bản gốc (nếu có) hoặc bản sao chứng thực khi có yêu cầu của Chủ đầu tư để đối chiếu.

17. Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung khác đã được cam kết trong E-HSDT và yêu cầu của E-HSMT.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin nêu trên. Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các nội dung trên trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Nếu vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ các cam kết nêu trên, chúng tôi xin chấp thuận các trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]